

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04** /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24 tháng 1 năm 2019.

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Khải.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Mạnh Cường.**

2. Bà **Vương Thị Thu.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Linh.**

- Đại diện VKSND Huyện: Ông **Đỗ Anh Tú.** Chức vụ Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 1 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018, về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thanh K** - Sinh năm 1964

Địa chỉ: Khu 3 Xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: Ông **Nguyễn Chí T** - Sinh năm 1961

Địa chỉ: Khu 3 Xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Bà K và ông T đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Lê Thanh K trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Chí T kết hôn với nhau năm 1992, có tự nguyện tìm hiểu với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ, tình cảm vợ chồng bình thường, quá trình vợ chồng sống chung đến năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông T coi thường bà, nhiều lần đánh đập đòi đuổi bà ra khỏi nhà, mâu thuẫn càng tăng từ tháng 2/2017 ông T vứt hết chăn chiếu đồ đạc của bà ra ngoài nên bà phải đi ở nhờ hàng xóm, nay bà xét thấy tình cảm giữa bà và ông T không thể chung sống với nhau được nữa, bà yêu cầu được ly hôn ông T.

- Về con chung: Bà và ông T có 2 con chung với nhau là Nguyễn Chí T – sinh ngày 17/8/1994, cháu Nguyễn Thị N sinh ngày 23/2/1996. Hiện nay con chung của bà đã đến tuổi trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết .

- Về tài sản chung: bà xác nhận bà và ông T có 1 nhà xây trên đất ở, đất vườn bà nhất trí về giá cả đã được hội đồng định giá tài sản của huyện Thanh Ba xác định về diện tích đất và giá cả, nếu ly hôn bà yêu cầu được sở hữu nhà và đất, nếu có chênh lệch bà sẽ thanh toán cho ông T theo quy định của Pháp luật.

Về đất ruộng thì nhà nước đã chia theo định mức từng người ai có thì người đó sử dụng.

Về ông nợ: bà và ông T không cho ai vay hoặc không nợ của ai cái gì cả, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Chí T trình bày: ông xác nhận về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn, thời gian chung sống đúng như bà K đã trình bày ở trên. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2015, do vợ chồng tính tình không hợp nhau, sống thiếu tình cảm, đến năm 2017 vợ chồng ông đã sống ly thân nhau. Nguyên vọng của ông yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: ông xác nhận ông và bà K có với nhau 02 con chung đúng như bà K đã trình bày ở trên. Hiện nay con chung của ông bà đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng ông có 01 căn nhà trên diện tích đất ở, đất vườn, ông đề nghị giải quyết theo quy định của Pháp luật, ngoài ra còn các thứ tài sản như cây cối lâm lộc và các thứ đồ dùng sinh hoạt trong nhà ông không đề nghị giải quyết, sau này nếu ai được sở hữu nhà thì xử dụng luôn các đồ đạc trên.

- Về công nợ chung: ông xác định vợ chồng không cho ai vay hoặc không nợ của ai cái gì, ông không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không đem lại kết quả, các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu. Tại phiên tòa hôm nay vị kiểm sát viên phát biểu quan điểm, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án, từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán đã giải quyết theo đúng trình tự của bộ luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào luật hôn nhân và gia đình để giải quyết khách quan, bảo vệ quyền lợi cho các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thanh K và ông Nguyễn Chí T kết hôn với nhau có tình tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã V là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống đến năm 2015 thì vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn bà K cho rằng ông T coi thường, nhiều lần đánh đập bà, thậm chí còn đuổi bà ra khỏi nhà, phía ông T cho rằng vợ chồng không hợp nhau, sống thiếu tình cảm dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay, không ai bàn bạc về mối quan hệ vợ chồng, hôm nay tại phiên tòa bà K và ông T đều khẳng định vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa đề nghị được ly hôn. Xét việc yêu cầu ly hôn của bà K và ông T là tự nguyện, do vậy công nhận thuận tình ly hôn giữa bà K và ông T là phù hợp với điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà Lê Thanh K và ông Nguyễn Chí T đều xác nhận có 02 con chung, hiện nay các cháu đã đến tuổi trưởng thành lao động tự túc được nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy hội đồng xét xử không xem xét đề giải quyết.

[3] Về Tài sản chung của vợ chồng: Bà Lê Thanh K và ông Nguyễn Chí T đều xác nhận vợ chồng có các tài sản đã được hội đồng định giá tài sản của Huyện Thanh ba ngày 24/7/2018 bao gồm: 1 nhà xây áp 4, 1 bếp + công trình phụ trị giá: 75.000.000đ, 1 vô tuyến trị giá: 2.000.000đ, 1 tủ lạnh trị giá: 500.000đ, 1 bình nóng lạnh trị giá: 800.000đ, 1 xe máy trị giá 1.500.000đ , tiền bán trâu ông Tình cầm 12.000.000đ, riêng đối với diện tích đất ở và đất vườn có tổng diện tích là 359,2m² /363,1m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thiếu 3,9m², qua thẩm định tại địa phương diện tích đất thiếu là do đo đạc, tại phiên tòa hôm nay bà K và ông T đều nhất trí số liệu diện tích đất là 359,2 m²: như vậy đất ở là 300m² x 800.000đ/1m² = 240.000.000đ, đất vườn 59,2m² x 28.000đ, = 16.520.000đ. Tổng cộng 348.376.000đ. Bà K và ông T yêu cầu chia theo pháp luật, tại phiên tòa hôm nay bà K yêu cầu được quản lý sở hữu, nếu có chênh lệch sẽ thanh toán cho bên kia. Xét yêu cầu của bà K là thực tế bởi nên ưu tiên cho người phụ nữ, mặt khác qua thẩm định tại địa phương nơi bà K và ông T cư trú cung cấp diện đất của ông T bà K thuộc vùng đất nông thôn, chủ yếu là lao động nông nghiệp chật hẹp, nếu phải chia thì không có lối đi, không có đất để chăn nuôi, tăng gia, do vậy giao nhà, đất, 1 bình nóng lạnh cho bà K trực tiếp quản lý sở hữu nhưng phải có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho ông T từ 150 đến 155 triệu đồng là phù hợp. Các tài sản khác như xe máy, tủ lạnh, vô tuyến, tiền bán trâu giao cho ông T sở hữu.

[4] Về công nợ chung: Về công sức đóng góp cho hai bên gia đình và đất nông nghiệp: Bà K và ông T đều xác nhận không có nên không giải quyết. Riêng đối với đất ruộng và đất canh tác bà K và ông T đều thống nhất là nhà nước đã chia theo định mức của từng người nên ai có thì người đó xử dụng không yêu cầu phân chia

[5] Về Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Lê Thanh K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản, ông Nguyễn Chí T phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, khoản 1,2,3,5 điều 59, điểm a khoản 2 điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 466,468 Bộ luật Dân sự, Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thanh K và ông Nguyễn Chí T.

- **Về con chung:** không đặt ra giải quyết.

- **Về tài sản chung:** giao cho bà Lê Thanh K được quản lý sở hữu 1 nhà xây cấp 4 trị giá 75.000.000đ, diện tích đất ở trị giá 240.000.000đ, đất vườn 59,2m² trị giá 16.520.000đ, tại thửa đất số 193 tờ bản đồ số 11 thuộc khu 3 Xã V, huyện T, 1 bình nóng lạnh trị giá 800.000đ, có tổng trị giá 332.320.000đ (Ba trăm ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) nhưng phải có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Nguyễn Chí T 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Giao cho ông Nguyễn Chí T sở hữu 1 xe máy trị giá 1.500.000đ, 1 vô tuyến trị giá 2.000.000đ, 1 tủ lạnh trị giá 500.000đ, tiền bán trâu 12.000.000đ và nhận 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng) do bà K thanh toán. Tổng cộng 170.500.000đ (Một trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Lê Thanh K còn phải trả ông Nguyễn Chí T tiền lãi theo lãi xuất quy định tại khoản 2 điều 468, của bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- **Về công nợ chung, công sức đóng góp và đất nông nghiệp:** Không có nên không đặt ra giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Lê Thanh K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 8.888.000đ (Tám triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm

đồng) tiền án phí chia tài sản. Xác nhận bà K đã nộp 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số AA/2015/0004128 ngày 11/4/2018. Ông Nguyễn Chí T phải nộp 8.525.000đ (Tám triệu năm trăm hai mươi năm nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện; tỉnh
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn bản án.
- UBND xã V.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Khải